

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 05/9/2024.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Vân và bà Phạm Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 01/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B - B N, phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng T, Chức vụ: Trưởng phòng G - Chi nhánh S1. Ông Trần Đăng T ủy quyền lại cho anh Phạm Hữu T1 - Chuyên viên Khách hàng cá nhân - Chi nhánh S1 - Phòng G (Theo Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 4 năm 2024). Địa chỉ: Số D P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Đình D1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số H, đường Q, tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023 và tại các bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 08 tháng 09 năm 2022, ông Đặng Đình D1 có ký kết với Ngân hàng S (S2) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Đặng Đình D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền giao dịch là 56.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn áp dụng 2,6%/tháng, kể từ ngày 01/11/2022 lãi suất trong hạn áp dụng 2,77%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 13.610.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 19/05/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 05/09/2024, Ông Đặng Đình D1 còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 90.013.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.835.856 đồng, lãi quá hạn là 31.177.405 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Đình D1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 05/9/2024 tổng số tiền là 90.013.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.835.856 đồng, lãi quá hạn là 31.177.405 đồng và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 06/09/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08 tháng 9 năm 2022 cho đến khi ông D1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

** Đối với bị đơn anh Đặng Đình D1:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh Đặng Đình D1 vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Đặng Đình D1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà tham gia phiên tòa:***

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:* Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối

với bị đơn anh Đặng Đình D1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung của vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc anh Đặng Đình D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là 90.013.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.835.856 đồng, lãi quá hạn là 31.177.405 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 06/09/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08 tháng 9 năm 2022 cho đến khi ông D1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S với bị đơn là anh Đặng Đình D1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã tiến hành xác minh nơi cư trú thì bị đơn anh Đặng Đình D1 đã chuyển hộ khẩu thường trú về số nhà H, đường Q, tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum để giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:*

[2.1]. Anh Phạm Hữu T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn anh Đặng Đình D1 đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, anh Đặng Đình D1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng bị đơn anh Đặng Đình D1 theo quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và anh Đặng Đình D1 có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401,402,405 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay anh D1 đã thanh toán cho Ngân H số tiền là 13.610.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 19/05/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Đặng Đình D1 trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/09/2024 tổng cộng là 90.013.261 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Đặng Đình D1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 05/09/2024 tổng số tiền là 90.013.261 đồng. Trong đó nợ gốc là 58.835.856 đồng, lãi quá hạn là 31.177.405 đồng và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 06/9/2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/9/2022 cho đến khi anh Đặng Đình D1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn anh Đặng Đình D1 phải chịu 4.500.663 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với anh Đặng Đình D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

1. Buộc anh Đặng Đình D1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/9/2024 là: 90.013.261 đồng (*Chín mươi triệu không trăm mười ba nghìn hai trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 58.835.856 đồng, lãi quá hạn là 31.177.405 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, anh Đặng Đình D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Đặng Đình D1 phải chịu 4.500.663 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là 1.533.000 đồng (*Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001735, ngày 21/11/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Tiến